TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3- ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **35**/2026/DS-ST
Ngày 06 tháng 4 năm 2026
V/v: *"Tranh chấp về thừa kế tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Quyết Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Cúc và bà Nguyễn Ngọc Hiệp.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hồng Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Đồng Nai tham gia phiên tòa*:** Ông Đỗ Đức Tâm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 tháng 02 năm 2026, ngày 31 tháng 3 năm 2026 và ngày 06 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 156/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2025, về việc *"Tranh chấp về thừa kế tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2025/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2026/QĐST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2026, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 107/2026/QĐST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2026, Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 161/2026/TB-TA ngày 05 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm: 1962.

Địa chỉ: A, Khu phố B, phường T, tỉnh Đồng Nai.

Người được ủy quyền là bà Đỗ Thị H, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Số B, tổ A, khu phố B, phường T, tỉnh Đồng Nai.

(Văn bản ủy quyền ngày 26/11/2024)

- Bị đơn: Bà Phạm Thị Lệ X, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: Tổ A, khu phố T, phường T, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị Ngọc T, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: Ấp A, P. L, tỉnh Đồng Nai

Người được ủy quyền là bà Trần Thị L1, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Số A, khu phố A, phường T, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông Phạm Ngọc Đ, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Tổ A, khu phố T, phường T, tỉnh Đồng Nai.

3. Bà Trần Thị N, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Tổ A, khu phố T, phường T, tỉnh Đồng Nai.

4. Ông Trần Thanh H1, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Tổ A, khu phố T, phường T, tỉnh Đồng Nai.

5. Ông Trần Thanh H2, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Tổ A, khu phố T, phường T, tỉnh Đồng Nai.

6. Bà Trần Thị Hồng H3, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp B, xã K, Thành phố Cần Thơ.

7. Ông Trần Minh H4, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Tổ A, khu phố T, phường T, tỉnh Đồng Nai.

Ông H1, bà N, bà H3, ông H4, ông H2 ủy quyền cho bà Trần Thị L1, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Số A, khu phố A, phường T, tỉnh Đồng Nai. (Văn bản ủy quyền ngày 26/11/2024).

8. Ông Phạm Hoàng S, sinh năm 2002, ông Phạm Ngọc H5, sinh năm 1987;

Cùng địa chỉ: Tổ A, khu phố T, phường T, tỉnh Đồng Nai.

(Bà L1 có mặt; bà H có đơn xin xét xử vắng mặt; bà X, ông Đ, ông S, ông H5 vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay người đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị L là bà Đỗ Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt tuy nhiên trong quá trình tham gia tố tụng bà H đã có ý kiến trình bày:

Cha mẹ bà Phạm Thị L là cụ ông Phạm Ngọc M đã chết ngày 03/12/1981 theo giấy chứng tử số 242/TLKT-BS do UBND xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 11/07/2023, cụ bà Nguyễn Thị B chết ngày 24/4/1995 theo giấy chứng tử số 495/TLKT-BS do UBND xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 01/08/2023. Cụ M, cụ B chết có hàng thừa kế thứ nhất gồm bà Phạm Thị L; bà Phạm Thị Lệ X; ông Phạm Ngọc Đ; bà Phạm Thị Ngọc T, bà Phạm Thị Lệ T1. Ông M, bà B không có con nuôi, cha mẹ ông M, bà B đều đã chết.

Bà Phạm Thị Lệ T1 (đã chết ngày 18/01/2021 theo trích lục khai tử số 48/TLKT-BS ngày 18/01/2021), hàng thừa kế thứ nhất của bà T1 bao gồm: ông Trần Thanh H1, sinh năm: 1966 (là chồng) và các con gồm bà Trần Thị Kim N, sinh năm: 1986; bà Trần Thị Hồng H3, sinh năm 1988; ông Trần Minh H4, sinh năm 1990 và ông Trần Thanh H2, sinh năm 1992.

Trong thời gian còn sống cụ M, cụ B có tạo dựng được khối tài sản là nhà và đất thuộc thửa đất số 78 tờ bản đồ số 37, tổng diện tích khoảng 507,6m^2 tại xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai) sử dụng từ trước năm 1975 đến nay. Trên đất có căn nhà vách gỗ, mái ngói được cha mẹ bà Phạm Thị L xây dựng, sử dụng làm ăn sinh sống cho đến lúc chết. Đối với cây trồng trên đất là do bố mẹ bà L trồng từ trước và một số cây trồng tự mọc. Cụ M, cụ B chết không để lại di chúc.

Qúa trình sinh sống của các hàng thừa kế trên đất như sau: Bà Phạm Thị L sinh sống trên đất đến năm 2003 thì chuyển khẩu ra ở riêng điều này được thể hiện hồ sơ tách khẩu của bà L đã nộp cho Tòa án. Bà X thì lập gia đình năm 1981 sau đó ra ở riêng đến khoảng năm 2005 sau khi ly hôn chồng thì cùng hai con về đất sinh sống năm 2007 do khó khăn không có chỗ ở. Bà Phạm Thị Lệ T1 sinh sống trên thửa đất đến năm 2013 thì bà T1 tách ra ở riêng bên nhà chồng đối diện thửa đất đang tranh chấp. Ông Đ thì không thường xuyên sinh sống trên thửa đất do đi làm ăn đến khi nhà nước cấp nhà tình thương thì ông mới sinh sống từ đó đến nay. Bà Phạm Thị Ngọc T sinh sống đến năm 1998 thì tách khẩu ra ở riêng cho đến nay. Do ông Đ, bà X không có nơi ở nên các anh em thống nhất để ông bà sinh sống trên căn nhà do bố mẹ để lại, đến khoảng năm 2005 do căn nhà hư hỏng nặng, ông Đ, bà X không có tiền xây dựng lại nên UBND xã T đã xây dựng cho ông Đ, bà X căn Nhà tình thương trên nền nhà cũ. Ông Đ, bà X sử dụng từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống trên đất ngoài căn nhà tình thương được UBND xã cấp cho ông Đ, bà X không xây dựng, trồng thêm bất cứ tài sản gì. Bên nguyên đơn đồng ý hỗ trợ phần cây trồng trên phần đất được chia cho ông Đ, bà X theo chứng thư thẩm định giá số 317/2025/150/1/CT ngày 02/6/2025 của Công ty cổ phần T4. Bà L và các hàng thừa kế khác yêu cầu bà X thỏa thuận phân chia di sản thừa kế do cụ M, cụ B để lại nhưng bà X không đồng ý.

Vì vậy, bà L làm đơn này khởi kiện ra Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai đề nghị Tòa án giải quyết những yêu cầu sau đây: Đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với di sản mà cha mẹ bà là cụ ông Phạm Ngọc M và cụ bà Phạm Thị B1 để lại cho 5 người thừa kế gồm: Phạm Thị L (sinh năm 1960); Phạm Ngọc Đ (sinh năm 1970), Phạm Thị Ngọc T (sinh năm 1971); Phạm Thị Lệ T1 (sinh năm 1968 (đã chết), hàng thừa kế thứ nhất của bà T1 bao gồm: bà Trần Thị Kim N, sinh năm: 1986; ông Trần Thanh H1, sinh năm 1966; ông Trần Thanh H2, sinh năm 1992; bà Trần Thị Hồng H3, sinh năm 1988 và ông Trần Minh H4, sinh năm 1990); Phạm Thị Lệ X (sinh năm 1966), mỗi người được hưởng 01 phần bằng nhau khoảng 101,52m^2 (Một trăm lẻ một phẩy năm hai mét vuông). Giá trị đất đang tranh chấp hiện nay khoảng 500.000.000 đồng. Bà L có

nhu cầu nhận đất nên sẽ hoàn trả lại cho các đồng thừa kế giá trị đất của mỗi phần các đồng thừa kế được nhận.

Tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 19/12/2025 nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện cụ thể như sau: Căn cứ vào bản Trích lục và đo vẽ hiện trạng bản đồ địa chính số: 1171/2025 ngày 17/04/2025 của VPĐK đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh V. Bà Phạm Thị L đề nghị Toà án nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai chia di sản là thửa đất số 78 tờ bản đồ số 37, tổng diện tích: 507,6m^2 tại xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai thành 02 phần, cụ thể như sau:

+ Thửa đất thứ nhất: Được giới hạn bởi các mốc (1, 2, 8, 7), có diện tích là: 197,7m2. Phần đất này đề nghị giao cho bà Phạm Thị Lệ X và ông Phạm Ngọc Đ.

+ Thửa đất thứ hai: Được giới hạn bởi các mốc (2, 3, 6, 7), có diện tích là: 309,9m^2. Phần đất này đề nghị giao cho bà Phạm Thị L, bà Phạm Thị Ngọc T, bà Phạm Thị Lệ T1 đã chết, hàng thừa kế thứ nhất của bà T1 bao gồm: ông Trần Thanh H1, sinh năm 1966 (là chồng) và các con gồm bà Trần Thị Kim N, sinh năm: 1986; bà Trần Thị Hồng H3, sinh năm 1988; ông Trần Minh H4, sinh năm 1990 và ông Trần Thanh H2, sinh năm 1992.

Ngày 02/01/2026, nguyên đơn có đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện như sau: Đối với thửa đất thứ hai: Được giới hạn bởi các mốc (2, 3, 6, 7), có diện tích là: 309,9m^2. Phần đất này nguyên đơn đề nghị giao cho bà Phạm Thị L và đồng ý thanh toán bằng tiền cho bà Phạm Thị Ngọc T, bà Phạm Thị Lệ T1 (Đã chết) hàng thừa kế thứ nhất của bà T1 bao gồm: ông Trần Thanh H1, sinh năm 1966 (là chồng) và các con gồm bà Trần Thị Kim N, sinh năm: 1986; bà Trần Thị Hồng H3, sinh năm 1988; ông Trần Minh H4, sinh năm 1990 và ông Trần Thanh H2, sinh năm 1992, trị giá kỷ phần thừa kế những người này được hưởng theo chứng thư thẩm định giá tài sản số 317/2025/150/1/CT ngày 02/6/2025 của Công ty cổ phần T4.

Đối với diện tích đất của ông Đ, bà X thiếu so với hàng thừa kế khác thì bên nguyên đơn đồng ý tính theo giá trị đã được thẩm định giá tài sản để trả cho ông Đ, bà X. Đối với cây trồng trên phần đất được chia bên bà L đồng ý thanh toán cho ông Đ, bà X theo giá trị đã được thẩm định giá tài sản. Việc chia tách như trên đảm bảo khách quan, phù hợp với hiện trạng sử dụng đất và thuận tiện cho việc tách thửa, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong tương lai.

Về chi phí tạm ứng xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí thẩm định giá tài sản nguyên đơn tự nguyện chịu.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu gì thêm.

Trong quá trình tham gia tố tụng, tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Phạm Thị Lệ X vắng mặt không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay người đại diện ủy quyền của người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên bà Phạm Thị Ngọc T, bà Trần Thị N, ông Trần Thanh H1, ông Trần Thanh H2, bà Trần Thị H3, ông Trần Minh H4 là bà Trần Thị L1 đã có ý kiến trình bày:

Bà Phạm Thị Ngọc T, bà Trần Thị N, ông Trần Thanh H1, ông Trần Thanh H2, bà Trần Thị H3, ông Trần Minh H4 thống nhất với ý kiến của nguyên đơn về hàng thừa kế thứ nhất và di sản để lại của cụ M, cụ B1 đã trình bày nêu trên. Bà T và hàng thừa kế thứ nhất của bà T1 yêu cầu nhận giá trị bằng tiền theo kỷ phần thừa kế theo quy định pháp luật.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Ngoài ra bà L1 không có yêu cầu gì thêm.

Trong quá trình tham gia tố tụng, tại phiên tòa ngày hôm nay những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Phạm Ngọc Đ, ông Phạm Hoàng S, ông Phạm Ngọc H5 vắng mặt không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc Tòa án xác định tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết và các thủ tục tố tụng mà Tòa án, Hội đồng xét xử đã thực hiện là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn người được ủy quyền là bà Đỗ Thị H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên bà Phạm Thị Ngọc T, bà Trần Thị N, ông Trần Thanh H1, ông Trần Thanh H2, bà Trần Thị H3, ông Trần Minh H4 người được ủy quyền là bà Trần Thị L1 đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà X; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Phạm Ngọc Đ, ông Phạm Hoàng S, ông Phạm Ngọc H5 mặc dù Tòa án đã nhiều lần tống đạt giấy triệu tập tham gia tố tụng, phiên tòa nhưng không đến Tòa án để tham gia tố tụng, không đến tham dự phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà X; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Phạm Ngọc Đ, ông Phạm Hoàng S, ông Phạm Ngọc H5. Người được ủy quyền của nguyên đơn là bà Đỗ Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Về nội dung tranh chấp: lời trình bày và thống nhất của các đương sự xác định cha mẹ của bà Phạm Thị L là ông Phạm Ngọc M, đã chết năm 1981 và bà Nguyễn Thị B chết năm 1995, có di sản là: Thửa đất số 78 tờ bản đồ số 37, tổng diện tích: 507,6m^2 tại phường T, tỉnh Đồng Nai; thửa đất này hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông M, bà B chết không để lại di chúc đối với phần tài sản này.

Ông Phạm Ngọc M và bà Nguyễn Thị B có những người con gồm: bà Phạm Thị L; bà Phạm Thị Lệ X; ông Phạm Ngọc Đ; bà Phạm Thị Ngọc T, bà Phạm Thị Lệ T1. Ông M, bà B không có con nuôi, cha mẹ ông M, bà B đều đã chết.

Theo chứng thư thẩm định giá số 317/2025/150/1/CT ngày 02/6/2025 của Công ty cổ phần T4 thể hiện diện tích đất: 507,6m^2 thuộc thửa đất số 78 tờ bản đồ

số 37 tại phường T, tỉnh Đồng Nai có trị giá là 6.040.440.000 đồng. Do đó, mỗi kỷ phần thừa kế được hưởng có diện tích là 507,6m2/5 = 101.52 m^2 tương ứng số tiền là 6.040.440.000 đồng/5 = 1.208.088.000 đồng. Do đó bà Phạm Thị L; bà Phạm Thị Lệ X; ông Phạm Ngọc Đ; bà Phạm Thị Ngọc T; bà Phạm Thị Lệ T1 mỗi người được hưởng diện tích đất là 101.52 m^2 tương ứng số tiền là 1.208.088.000 đồng.

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu giao phần đất được giới hạn bởi các mốc (1, 2, 8, 7), có diện tích là: 197,7m^2. Hiện nay phần đất này do bà X, ông Đ đang sinh sống, quản lý nên bà L yêu cầu Tòa án chia diện tích đất này cho bà Phạm Thị Lệ X và ông Phạm Ngọc Đ là có căn cứ chấp nhận. Đối với diện tích đất là: 309,9m^2 được giới hạn bởi các mốc (2, 3, 6, 7), theo bản Trích lục và đo vẽ hiện trạng bản đồ địa chính số: 1171/2025 ngày 17/04/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ - Chi nhánh V có giá trị tương đương là (6.040.440.000: 507,6m^2) x 309,9m^2 = 3.637.810.000 đồng. Phần đất này bà L đề nghị chia cho bà Phạm Thị L và bà L đồng ý thanh toán giá trị theo kỷ phần thừa kế mà bà Phạm Thị Ngọc T, bà Phạm Thị Lệ T1 (đã mất) hàng thừa kế thứ nhất của bà T1 bao gồm: ông Trần Thanh H1, bà Trần Thị Kim N, ông Trần Thanh H2, bà Trần Thị Hồng H3 và ông Trần Minh H4 được nhận. Xét thấy hiện nay phần đất này không có công trình xây dựng của ai và bà L cũng có nguyện vọng được nhận hiện vật là đất nên yêu cầu của bà L đối với phần diện tích đất này là có căn cứ chấp nhận. Do đó bà L được nhận đất thì bà L có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị Ngọc T giá trị của một kỷ phần là 1.208.088.000 đồng và những người thuộc hàng thứ kế thứ nhất của bà T1 giá trị của một kỷ phần là 1.208.088.000 đồng.

Trên phần đất này có trồng một số cây gồm 02 cây tràm, 04 bụi chuối, 01 cây mãng cầu ta, 01 cây nhãn, 01 cây xoài, 01 cây khế trị giá tổng số cây trồng này theo chứng thư thẩm định giá số 317/2025/150/1/CT ngày 02/6/2025 của Công ty cổ phần T4 là 6.890.000 đồng. Cây trồng này do cha mẹ bà L trồng và một số cây trồng tự mọc tuy nhiên bà L đồng ý thanh toán cây trồng cho ông Đ, bà X nên cần buộc bà L có nghĩa vụ thanh toán số tiền 6.890.000 đồng cho bà X, ông Đ.

Về chi phí tạm ứng xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí thẩm định giá tài sản nguyên đơn tự nguyện chịu nên không xem xét.

Về án phí: Đề nghị Tòa án buộc các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện thì bà Phạm Thị L2 yêu cầu chia di sản thừa kế do vợ cha mẹ bà chết để lại. Do đó quan hệ pháp luật của vụ án này là ***"Tranh chấp về thừa kế tài sản"***. Bị đơn bà Phạm Thị Lệ X cư trú sinh sống tại xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai) nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai) giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và căn cứ khoản 1 Điều 6 của Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân quy định: *"Vụ án hình sự, hành chính, vụ việc dân sự và các vụ việc khác đã được Tòa án nhân dân cấp huyện thụ lý đúng thẩm quyền thì Tòa án nhân dân khu vực tiếp nhận nhiệm vụ của Tòa án nhân dân cấp huyện đó tiếp tục giải quyết, trừ trường hợp hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Điều này"*. Do đó vụ án này vẫn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3- Đồng Nai.

1.2. Sau khi thụ lý, Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: "Thông báo thụ lý vụ án"; "thông báo giao nộp tài liệu, chứng cứ", "giấy triệu tập", "thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải" nhưng bị đơn bà X; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Phạm Ngọc Đ, ông Phạm Hoàng S, ông Phạm Ngọc H5 không đến Tòa án làm việc, không tham gia phiên họp và hòa giải. Do bị đơn bà X; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Phạm Ngọc Đ, ông Phạm Hoàng S, ông Phạm Ngọc H5 đã được thông báo, triệu tập nhiều lần nhưng vẫn không đến tham gia phiên họp và hòa giải nên Tòa án đã lập biên bản ghi nhận việc không thể tiến hành hòa giải được. Đồng thời, tiếp tục tống đạt cho bị đơn bà X; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Phạm Ngọc Đ, ông Phạm Hoàng S, ông Phạm Ngọc H5 bằng thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng gồm: "Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải", "Quyết định đưa vụ án ra xét xử", "Quyết định hoãn phiên tòa", "Giấy triệu tập", "Thông báo thời gian mở lại phiên tòa" theo đúng quy định của pháp luật. Như vậy, bị đơn bà X; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Phạm Ngọc Đ, ông Phạm Hoàng S, ông Phạm Ngọc H5 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Về phía nguyên đơn người được ủy quyền là bà Đỗ Thị H đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Như đã phân tích mục 1.2 nêu trên, bị đơn bà Phạm Thị Lệ X; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Phạm Ngọc Đ, ông Phạm Hoàng S, ông Phạm Ngọc H5 không lên Tòa án tham gia giải quyết vụ án, cũng không thực hiện nghĩa vụ chứng minh, cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự

năm 2015, Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[2.2]. Bà Phạm Thị L đề nghị Toà án nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai chia di sản là thửa đất số 78 tờ bản đồ số 37, tổng diện tích: 507,6m^2 tại xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai) thành 02 phần, cụ thể như sau: Thửa đất thứ nhất: Được giới hạn bởi các mốc (1, 2, 8, 7), có diện tích là: 197,7m^2 theo bản Trích lục và đo vẽ hiện trạng bản đồ địa chính số: 1171/2025 ngày 17/04/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ – Chi nhánh V. Phần đất này đề nghị giao cho bà Phạm Thị Lệ X và ông Phạm Ngọc Đ. Thửa đất thứ hai: Được giới hạn bởi các mốc (2, 3, 6, 7), có diện tích là: 309,9m^2 theo bản Trích lục và đo vẽ hiện trạng bản đồ địa chính số: 1171/2025 ngày 17/04/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ – Chi nhánh V. Phần đất này đề nghị giao cho bà Phạm Thị L, bà Phạm Thị Ngọc T, bà Phạm Thị Lệ T1 - đã chết (Các hàng thừa kế của bà T1 bao gồm: bà Trần Thị Kim N, ông Trần Thanh H1, ông Trần Thanh H2, bà Trần Thị Hồng H3 và ông Trần Minh H4). Đối với diện tích đất của ông Đ, bà X thiếu so với hàng thừa kế khác thì bên bà Phạm Thị L đồng ý tính theo giá trị đã được thẩm định giá tài sản để trả cho ông Đ, bà X. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[2.2.1]. Xét về hàng thừa kế: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời trình bày và xác nhận của các đương sự trong vụ án xác định là cụ Phạm Ngọc M (đã chết ngày 03/12/1981), cụ Nguyễn Thị B (chết ngày 24/4/1995) có những người con gồm: bà Phạm Thị L; bà Phạm Thị Lệ X; ông Phạm Ngọc Đ; bà Phạm Thị Ngọc T, bà Phạm Thị Lệ T1. Cụ M, cụ B không có con nuôi, cha mẹ cụ M, cụ B đều đã chết nên theo quy định tại Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 những người này là hàng thừa kế thứ nhất của ông M, bà B.

[2.2.2]. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời trình bày và xác nhận của các đương sự xác định cha mẹ của bà Phạm Thị L là ông Phạm Ngọc M (đã chết ngày 03/12/1981), bà Nguyễn Thị B (chết ngày 24/4/1995), có thửa đất số 78 tờ bản đồ số 37, tổng diện tích: 507,6m^2 tại xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai) được thể hiện tại bản Trích lục và đo vẽ hiện trạng bản đồ địa chính số: 1171/2025 ngày 17/04/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ - Chi nhánh V. Thửa đất này hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tuy nhiên việc cụ M, cụ B sử dụng thửa đất này năm 1975, việc sử dụng đất không trái với quy hoạch của địa phương và từ trước đến giờ ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền không có ý kiến gì về việc sử dụng đất này nên có căn cứ xác định thửa đất số 78 tờ bản đồ số 37, tại xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai) là di sản của cụ M, cụ B chết để lại. Cụ M, cụ B chết không để lại di chúc đối với phần tài sản này nên bà L yêu cầu chia di sản thừa kế này của cụ M, cụ B là có căn cứ.

[2.2.3]. Theo chứng thư thẩm định giá số 317/2025/150/1/CT ngày 02/6/2025 của Công ty cổ phần T4 thể hiện diện tích đất: 507,6m^2 thuộc thửa đất số 78 tờ bản đồ số 37 tại xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh

Đồng Nai) có trị giá là 6.040.440.000 đồng. Chia thừa kế theo pháp luật, mỗi kỷ phần thừa kế được hưởng có diện tích là 507,6m^2/5 = 101.52 m^2 tương ứng số tiền là 6.040.440.000 đồng/5 = 1.208.088.000 đồng. Do đó Phạm Thị L; Phạm Thị Lệ X; Phạm Ngọc Đ; bà Phạm Thị Ngọc T, bà Phạm Thị Lệ T1 mỗi người được hưởng diện tích đất là 101.52 m^2 tương ứng số tiền là 1.208.088.000 đồng.

Phạm Thị Lệ T1 chết ngày 17/01/2021, bà T1 có chồng là ông Trần Thanh H1 và các con là bà Trần Kim N, bà Trần Thị Hồng H3, ông Trần Minh H4, ông Trần Thanh H2, bà T1 không có con nuôi nên căn cứ Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 những người này thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà T1. Bà T1 chết không để lại di chúc nên hàng thừa kế thứ nhất của bà T1 được hưởng 01 kỷ phần thừa kế mà bà T1 được chia.

[2.2.4]. Tài sản trên thửa đất hiện nay gồm: Nhà ở gia đình có diện tích 44,8 m^2, có kết cấu móng, cột gạch, tường xây gạch, tô vữa, sơn nước, bên ngoài không tô, mái lợp tôn, xà gồ sắt hộp, nền lát gạch ceramic, nhà này hiện nay do bà Phạm Thị Lệ X đang sinh sống, quản lý cùng với hai người con là ông Phạm Ngọc H5, sinh năm 1987 và ông Phạm Hoàng S, sinh năm 2002. Nhà kho có diện tích 12 m^2 có kết cấu vách lợp tôn, khung gỗ cây, mái lợp tôn, xà gồ gỗ, trụ bê tông, trụ gỗ cây, nền đất nhà kho này ông Phạm Ngọc Đ đang sinh sống. Trên thửa đất còn có một giếng đào sâu 25m, một số cây trồng như Chuối, Ổ, M1, T2, N1, Mãng Cầu T, X1, K.

[2.2.5]. Phần đất thứ nhất: Diện tích là 197,7m^2 được giới hạn bởi các mốc (1, 2, 8, 7) theo bản Trích lục và đo vẽ hiện trạng bản đồ địa chính số: 1171/2025 ngày 17/04/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ - Chi nhánh V có giá trị là (6.040.440.000: 507,6m^2) x 197,7m^2 = 2.352.630.000 đồng. Hiện nay phần đất này do bà X, ông Đ đang sinh sống, quản lý nên bà L yêu cầu Tòa án chia diện tích đất này cho bà Phạm Thị Lệ X và ông Phạm Ngọc Đ là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

[2.2.6]. Phần đất thứ hai: Diện tích là: 309,9m^2 được giới hạn bởi các mốc (2, 3, 6, 7), theo bản Trích lục và đo vẽ hiện trạng bản đồ địa chính số: 1171/2025 ngày 17/04/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ - Chi nhánh V có giá trị tương đương là (6.040.440.000: 507,6m²) x 309,9m² = 3.687.810.000 đồng. Phần đất này bà L đề nghị chia cho bà Phạm Thị L và bà L đồng ý thanh toán giá trị theo kỷ phần thừa kế mà bà Phạm Thị Ngọc T, bà Phạm Thị Lệ T1 (đã mất) hàng thừa kế thứ nhất của bà T1 bao gồm: ông Trần Thanh H1, bà Trần Thị Kim N, ông Trần Thanh H2, bà Trần Thị Hồng H3 và ông Trần Minh H4 được nhận. Xét thấy hiện nay phần đất này không có công trình xây dựng của ai và bà L cũng có nguyện vọng được nhận hiện vật là đất nên yêu cầu của bà L đối với phần diện tích đất này là có căn cứ chấp nhận. Do đó bà L được nhận đất thì bà L có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị Ngọc T giá trị của một kỷ phần là 1.208.088.000 đồng và những người thuộc hàng thứ kế thứ nhất của bà T1 giá trị của một kỷ phần là 1.208.088.000 đồng.

Trên phần đất này có trồng một số cây gồm 02 cây tràm, 04 bụi chuối, 01 cây mãng cầu ta, 01 cây nhãn, 01 cây xoài, 01 cây khế trị giá tổng số cây trồng này theo chứng thự thẩm định giá số 317/2025/150/1/CT ngày 02/6/2025 của Công ty cổ phần T4 là 6.890.000 đồng. Cây trồng này do cha mẹ bà L trồng và một số cây trồng tự mọc tuy nhiên bà L đồng ý thanh toán cây trồng cho bà X, ông Đ nên cần buộc bà L có nghĩa vụ thanh toán số tiền 6.890.000 đồng cho bà X, ông Đ.

[2.2.7] Về công sức đóng góp cho việc bảo quản di sản: Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay di sản do cụ M, cụ B chết để lại do bà X, ông Đ, ông S, ông H5 đang quản lý, sử dụng. Tuy bà X, ông Đ không có yêu cầu xem xét về công sức đóng góp vì bà X, ông Đ không đồng ý chia thừa kế nhưng Tòa án cũng cần phải xem xét đến công sức tôn tạo và quản lý di sản của bà X, ông Đ.

Đối với công sức tôn tạo di sản và công sức về quản lý di sản: Trong quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ Tòa án xác minh tại địa phương thể hiện căn nhà tình thương trên đất là do chính quyền địa phương xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai) cấp cho bà Phạm Thị Lệ X. Qua đó thể hiện bà X, ông Đ không xây dựng thêm bất cứ tài sản gì. Bà X, ông Đ có hoàn cảnh khó khăn, không có nơi ở nào khác nên các hàng thừa kế khác đã cho ông, bà sinh sống trên căn nhà và phần đất do bố mẹ để lại, đồng thời bà L chia cho bà X, ông Đ phần đất được cấp nhà tình thương và trên đất có một số cây trồng thì do cụ M, cụ B trồng từ trước và một số cây trồng tự mọc. Bà L đồng ý thanh toán số cây trồng trên phần đất mà bà L đã nhận cho bà X, ông Đ là đảm bảo quyền lợi đã xem xét đến công sức của bà X, ông Đ. Trường hợp bà X, ông Đ không quản lý di sản thì sẽ có bà L hoặc các hàng thừa kế khác sẽ trông coi vì sinh sống gần đó. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét tính công sức tôn tạo di sản và công sức về quản lý di sản cho bà X, ông Đ.

Đối với quyền lợi của ông S, ông H5 hiện nay cũng đang sinh sống trên đất nhưng ông S, ông H5 không lên Tòa án làm việc và không có đơn yêu cầu xem xét công sức tôn tạo, quản lý di sản nên sẽ được tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[2.2.8]. Về trách nhiệm thanh toán giá trị chệnh lệch: Như phân tích nêu mục [2.2.3] mỗi kỷ phần thừa kế là 1.208.088.000 đồng. Phần di sản của bà Phạm Thị Lệ N2 sau khi trừ đi kỷ phần phải thanh toán cho bà T, hàng thừa kế thứ nhất của bà T1 thì còn lại là: 3.687.810.000 đồng – (1.208.088.000 đồng x 2) = 1.271.634.000 đồng, dư so với một kỷ phần được chia là: 1.271.634.000 đồng - 1.208.088.000 đồng = 63.546.000 đồng. Phần thửa đất bà X, ông Đ nhận có giá trị là 2.352.630.000 đồng, tương ứng giá trị mỗi người được nhận là 2.352.630.00 đồng : 2 = 1.176.315.000 đồng, so mỗi một kỷ phần thừa kế được chia thì bà X, ông Đ mỗi người còn thiếu số tiền 31.773.000 đồng. Vì vậy, bà Phạm Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho bà X, ông Đ mỗi người số tiền 31.773.000 đồng (ba mươi mốt triệu bảy trăm bảy mươi ba ngàn đồng).

[3]. Về chi phí tố tụng:

- Về tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; chi phí thẩm định giá tài sản do bà Phạm Thị L tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phạm Thị L phải chịu án phí trên giá trị phần thừa kế được hưởng nhưng bà Lệ thuộc trường hợp được miễn án phí và có đơn xin miễn án phí nên căn cứ Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà L được miễn án phí.

- Bà Phạm Thị Lệ X, ông Phạm Ngọc Đ, bà Phạm Thị Ngọc T, mỗi người được chia kỷ phần có giá trị là 1.208.088.000 đồng nên mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 48.242.640 đồng.

- Bà Phạm Thị Lệ T1 (đã mất) hàng thừa kế của bà T1 bao gồm: ông Trần Thanh H1, bà Trần Thị Kim N, ông Trần Thanh H2, bà Trần Thị Hồng H3 và ông Trần Minh H4 được chia kỷ phần có giá trị là 1.208.088.000 đồng nên phải có nghĩa vụ liên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm là 48.242.640 đồng. Nghĩa vụ liên đới là bằng nhau.

[5] Từ những nhận định trên, xét thấy quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 157; Điều 165; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 6 của Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

Các Điều 357, 468, 610, 611, 612, 613, 649, 650, 651, 660, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 12, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản" đối với bà Phạm Thị Lệ X. Chia di sản thừa kế của cụ Phạm Ngọc M và cụ Nguyễn Thị B, cụ thể như sau:

1.1. Xác định cụ Phạm Ngọc M (đã chết ngày 03/12/1981) và cụ Nguyễn Thị B (chết ngày 24/4/1995) không để lại di chúc.

1.2. Xác định những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Phạm Ngọc M và cụ Nguyễn Thị B gồm: bà Phạm Thị L; bà Phạm Thị Lệ X; ông Phạm Ngọc Đ; bà Phạm Thị Ngọc T, bà Phạm Thị Lệ T1.

1.3. Xác định những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Phạm Thị Lệ T1 (chết ngày 17/01/2021) gồm ông Trần Thanh H1, bà Trần Thị Kim N, ông Trần Thanh H2, bà Trần Thị Hồng H3 và ông Trần Minh H4.

1.4. Di sản thừa kế của cụ Phạm Ngọc M, cụ Nguyễn Thị B để lại là thửa đất số 78 tờ bản đồ số 37, tổng diện tích: 507,6m^2 tại xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai) được thể hiện tại bản Trích lục và đo vẽ hiện trạng bản đồ địa chính số: 1171/2025 ngày 17/04/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ - Chi nhánh V. Thửa đất này hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tổng trị giá của di sản thừa kế là 6.040.440.000 đồng (Sáu tỷ không trăm bốn mươi triệu bốn trăm bốn mươi ngàn đồng).

1.5. Tiến hành chia theo pháp luật như sau:

1.5.1. Chia cho bà Phạm Thị Lệ X và ông Phạm Ngọc Đ diện tích đất 197,7m^2 được giới hạn bởi các mốc (1, 2, 8, 7) theo bản Trích lục và đo vẽ hiện trạng bản đồ địa chính số: 1171/2025 ngày 17/04/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ - Chi nhánh V thuộc một phần thửa số 78 tờ bản đồ số 37, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại tại xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

(kèm theo bản Trích lục và đo vẽ hiện trạng bản đồ địa chính số: 1171/2025 ngày 17/04/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ - Chi nhánh V).

1.5.2. Chia cho bà Phạm Thị L diện tích đất 309,9m^2 được giới hạn bởi các mốc (2, 3, 6, 7), theo bản Trích lục và đo vẽ hiện trạng bản đồ địa chính số: 1171/2025 ngày 17/04/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ - Chi nhánh V thuộc một phần thửa số 78 tờ bản đồ số 37, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

Giao cho bà Phạm Thị L được quyền sở hữu các cây trồng gồm 02 cây tràm, 04 bụi chuối, 01 cây mãng cầu ta, 01 cây nhãn, 01 cây xoài, 01 cây khế. Bà Phạm Thị L có nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản trên đất cho bà Phạm Thị Lệ X, ông Phạm Ngọc Đ số tiền 6.890.000đ (sáu triệu tám trăm chín mươi ngàn đồng).

(kèm bản Trích lục và đo vẽ hiện trạng bản đồ địa chính số: 1171/2025 ngày 17/04/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ - Chi nhánh V).

1.5.3. Bà Phạm Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị Ngọc T số tiền là 1.208.088.000đ (một tỷ hai trăm lẻ tám triệu không trăm tám mươi tám ngàn đồng).

1.5.4. Bà Phạm Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho hàng thừa kế thứ nhất của bà Phạm Thị Lệ T1 bao gồm: ông Trần Thanh H1, bà Trần Thị Kim N, ông Trần

Thanh H2, bà Trần Thị Hồng H3 và ông Trần Minh H4 số tiền là 1.208.088.000đ (một tỷ hai trăm lẻ tám triệu không trăm tám mươi tám ngàn đồng).

1.5.5. Về trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch: Bà Phạm Thị L có nghĩa thanh toán giá trị chênh lệch cho bà Phạm Thị Lệ X, ông Phạm Ngọc Đ mỗi người số tiền 31.773.000đ (ba mươi mốt triệu bảy trăm bảy mươi ba ngàn đồng);

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà Phạm Thị Lệ X, ông Phạm Ngọc Đ, bà Phạm Thị L có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai đối với diện tích đất được chia theo quyết định của bản án này.

2. Về chi phí tố tụng: Về chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí thẩm định giá tài sản, bà Phạm Thị L tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phạm Thị Lệ T3 trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Phạm Thị Lệ X, ông Phạm Ngọc Đ, bà Phạm Thị Ngọc T mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 48.242.640đ (bốn mươi tám triệu hai trăm bốn mươi hai ngàn sáu trăm bốn mươi đồng).

- Hàng thừa kế thứ nhất của bà Phạm Thị Lệ T1 bao gồm: ông Trần Thanh H1, bà Trần Thị Kim N, ông Trần Thanh H2, bà Trần Thị Hồng H3 và ông Trần Minh H4 có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 48.242.640đ (bốn mươi tám triệu hai trăm bốn mươi hai ngàn sáu trăm bốn mươi đồng). Nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là bằng nhau.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3-Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu VP, hồ sơ;

Phan Quyết Tâm